

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	8,0	Tám chắn	
2	Phan Việt	Bắc	02	8,0	Tám chắn	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	8,0	Tám chắn	
4	Phan Thị	Chiều	04	8,5	Tám rưỡi	
5	Hồ Hải	Đăng	05	Không đủ điều kiện dự thi		
6	Phan Thị	Duyên	06	7,5	Bảy rưỡi	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Phan Thị	Hà	09	Không đủ điều kiện dự thi		
10	Trần Kiên	Hạnh	10	Không đủ điều kiện dự thi		
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	Không đủ điều kiện dự thi		
12	Lê Thị	Hiện	12	8,0	Tám chắn	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đinh Thị	Hoa	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Lê Xuân	Hùng	16	8,0	Tám chắn	
17	Nguyễn Thị	Hường	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Quốc	Huy	18	Không đủ điều kiện dự thi		
19	Nguyễn Thị	Khuyên	19	8,0	Tám chắn	
20	Đinh Thị	Lai	20	8,0	Tám chắn	
21	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	Không đủ điều kiện dự thi		
22	Nguyễn Thị	Lành	22	8,0	Tám chắn	
23	Nguyễn Thị	Mai	23	8,5	Tám rưỡi	
24	Phan Thị Ngọc	Mai	24	8,0	Tám chắn	
25	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Lưu Thị	Nga	26	8,0	Tám chắn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
27	Trần Thị	Nga	27	7,5	Bảy rưỡi	
28	Phạm Thị	Ngọc	28	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Thị	Ngọc	29	Không đủ điều kiện dự thi		
30	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	Tám rưỡi	
32	Hồ Thị	Nhung	32	Không đủ điều kiện dự thi		
33	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,5	Tám rưỡi	
34	Phan Thị	Nhung	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	Tám chẵn	
36	Lê Văn	Oanh	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Nam	Phong	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phan Đình	Phú	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	Tám chẵn	
40	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Trần Thị	Phượng	41	Không đủ điều kiện dự thi		
42	Võ Văn	Quân	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Dương Hồng	Quân	43	Không đủ điều kiện dự thi		
44	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,0	Tám chẵn	
45	Phan Châu	Sơn	45	8,0	Tám chẵn	
46	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	Tám rưỡi	
47	Lê Tiến	Sỹ	47	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lê Hữu	Tài	48	8,0	Tám chẵn	
49	Đậu Đức	Thạch	49	7,5	Bảy rưỡi	
50	Dương Thị	Thắm	50	8,5	Tám rưỡi	
51	Phan Trọng	Thắng	51	Không đủ điều kiện dự thi		
52	Lê Thuần	Thắng	52	Không đủ điều kiện dự thi		
53	Nguyễn Xuân	Thành	53	Không đủ điều kiện dự thi		
54	Nguyễn Đình	Thế	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Đinh Đức	Thiện	55	7,5	Bảy rưỡi	
56	Lê Viết	Thông	56	8,5	Tám rưỡi	
57	Nguyễn Thị	Thương	57	Không đủ điều kiện dự thi		
58	Phan Thị	Thương	58	8,0	Tám chẵn	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
59	Trần Thị	Thủy	59	8,0	Tám chẵn	
60	Hồ Thị	Tĩnh	60	Không đủ điều kiện dự thi		
61	Nguyễn Thanh	Tĩnh	61	8,5	Tám rưỡi	
62	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	Tám chẵn	
63	Lê Thị Huyền	Trang	63	8,0	Tám chẵn	
64	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	Không đủ điều kiện dự thi		
65	Lưu Thị Thùy	Trang	65	8,0	Tám chẵn	
66	Đinh Hữu	Trình	66	Không đủ điều kiện dự thi		
67	Hoàng Bảo	Trung	67	8,0	Tám chẵn	
68	Nguyễn Thanh	Tùng	68	Không đủ điều kiện dự thi		
69	Nguyễn Thị	Tuyết	69	8,0	Tám chẵn	
70	Nguyễn Thị	Tuyết	70	8,0	Tám chẵn	
71	Phan Thị	Tuyết	71	8,0	Tám chẵn	
72	Nguyễn Thị	Vân	72	8,0	Tám chẵn	
73	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	8,0	Tám chẵn	

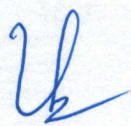
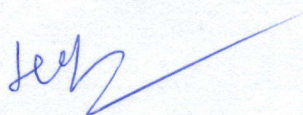
Danh sách này gồm: 73 học viên

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG


Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TỈNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	8,0	Tám chẵn	
2	Phan Việt	Bắc	02	8,0	Tám chẵn	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	8,0	Tám chẵn	
4	Phan Thị	Chiều	04	8,0	Tám chẵn	
5	Hồ Hải	Đăng	05	Không đủ điều kiện dự thi		
6	Phan Thị	Duyên	06	8,0	Tám chẵn	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Phan Thị	Hà	09	Không đủ điều kiện dự thi		
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	Không đủ điều kiện dự thi		
12	Lê Thị	Hiện	12	8,0	Tám chẵn	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,0	Tám chẵn	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,5	Tám rưỡi	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,0	Tám chẵn	
16	Lê Xuân	Hùng	16	8,0	Tám chẵn	
17	Nguyễn Thị	Hường	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Quốc	Huy	18	Không đủ điều kiện dự thi		
19	Nguyễn Thị	Khuyên	19	8,0	Tám chẵn	
20	Đinh Thị	Lai	20	8,0	Tám chẵn	
21	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	Không đủ điều kiện dự thi		
22	Nguyễn Thị	Lành	22	8,5	Tám rưỡi	
23	Nguyễn Thị	Mai	23	8,5	Tám rưỡi	
24	Phan Thị Ngọc	Mai	24	8,5	Tám rưỡi	
25	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,0	Tám chẵn	
26	Lưu Thị	Nga	26	8,0	Tám chẵn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
27	Trần Thị	Nga	27	8,0	Tám chẵn	
28	Phạm Thị	Ngọc	28	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Thị	Ngọc	29	Không đủ điều kiện dự thi		
30	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Hồ Thị	Nhung	32	8,0	Tám chẵn	
33	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,0	Tám chẵn	
34	Phan Thị	Nhung	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Thị	Oanh	35	7,5	Bảy rưỡi	
36	Lê Văn	Oanh	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Nam	Phong	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phan Đình	Phú	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	Tám chẵn	
40	Trần Thị Thanh	Phương	40	8,0	Tám chẵn	
41	Trần Thị	Phượng	41	Không đủ điều kiện dự thi		
42	Võ Văn	Quân	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Dương Hồng	Quân	43	Không đủ điều kiện dự thi		
44	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Phan Châu	Son	45	8,0	Tám chẵn	
46	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	Tám rưỡi	
47	Lê Tiến	Sỹ	47	8,0	Tám chẵn	
48	Lê Hữu	Tài	48	8,0	Tám chẵn	
49	Đậu Đức	Thạch	49	8,0	Tám chẵn	
50	Dương Thị	Thắm	50	8,0	Tám chẵn	
51	Phan Trọng	Thắng	51	Không đủ điều kiện dự thi		
52	Lê Thuần	Thắng	52	Không đủ điều kiện dự thi		
53	Nguyễn Xuân	Thành	53	Không đủ điều kiện dự thi		
54	Nguyễn Đình	Thế	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Đinh Đức	Thiện	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Lê Viết	Thông	56	8,5	Tám rưỡi	
57	Nguyễn Thị	Thương	57	Không đủ điều kiện dự thi		
58	Phan Thị	Thương	58	8,5	Tám rưỡi	

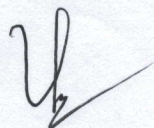
TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
59	Trần Thị	Thủy	59	8,0	Tám chẵn	
60	Hồ Thị	Tình	60	Không đủ điều kiện dự thi		
61	Nguyễn Thanh	Tình	61	8,0	Tám chẵn	
62	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	Tám chẵn	
63	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	Không đủ điều kiện dự thi		
65	Lưu Thị Thùy	Trang	65	7,5	Bảy rưỡi	
66	Đinh Hữu	Trình	66	Không đủ điều kiện dự thi		
67	Hoàng Bảo	Trung	67	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thanh	Tùng	68	Không đủ điều kiện dự thi		
69	Nguyễn Thị	Tuyệt	69	8,0	Tám chẵn	
70	Nguyễn Thị	Tuyệt	70	7,5	Bảy rưỡi	
71	Phan Thị	Tuyệt	71	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Thị	Vân	72	8,0	Tám chẵn	
73	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 73 học viên

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	8,0	Tám chẵn	
2	Phan Việt	Bắc	02	8,0	Tám chẵn	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	8,0	Tám chẵn	
4	Phan Thị	Chiều	04	8,0	Tám chẵn	
5	Hồ Hải	Đăng	05		Không đủ điều kiện dự thi	
6	Phan Thị	Duyên	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	8,0	Tám chẵn	
9	Phan Thị	Hà	09	8,5	Tám rưỡi	
10	Trần Kiên	Hạnh	10		Không đủ điều kiện dự thi	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	8,0	Tám chẵn	
12	Lê Thị	Hiện	12	8,5	Tám rưỡi	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,5	Tám rưỡi	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,0	Tám chẵn	
16	Lê Xuân	Hùng	16	8,0	Tám chẵn	
17	Nguyễn Thị	Hường	17	8,0	Tám chẵn	
18	Nguyễn Quốc	Huy	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Thị	Khuyên	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Đinh Thị	Lai	20	8,5	Tám rưỡi	
21	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	8,0	Tám chẵn	
22	Nguyễn Thị	Lành	22	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị	Mai	23	8,0	Tám chẵn	
24	Phan Thị Ngọc	Mai	24	8,0	Tám chẵn	
25	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,0	Tám chẵn	
26	Lưu Thị	Nga	26	8,0	Tám chẵn	
27	Trần Thị	Nga	27	8,5	Tám rưỡi	
28	Phạm Thị	Ngọc	28	8,25	Tám phẩy hai lăm	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Thị	Ngọc	29	8,0	Tám chẵn	
30	Nguyễn Văn	Nguyên	30	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	Tám rưỡi	
32	Hồ Thị	Nhung	32	8,0	Tám chẵn	
33	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,5	Tám rưỡi	
34	Phan Thị	Nhung	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	Tám chẵn	
36	Lê Văn	Oanh	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Nam	Phong	37	8,0	Tám chẵn	
38	Phan Đình	Phú	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị	Phương	39	8,25	Tám phẩy hai lăm	
40	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
41	Trần Thị	Phượng	41	8,0	Tám chẵn	
42	Võ Văn	Quân	42	8,0	Tám chẵn	
43	Dương Hồng	Quân	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Phan Châu	Sơn	45	8,0	Tám chẵn	
46	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	Tám rưỡi	
47	Lê Tiến	Sỹ	47	8,0	Tám chẵn	
48	Lê Hữu	Tài	48	8,5	Tám rưỡi	
49	Đậu Đức	Thạch	49	8,5	Tám rưỡi	
50	Dương Thị	Thắm	50	8,5	Tám rưỡi	
51	Phan Trọng	Thắng	51	8,0	Tám chẵn	
52	Lê Thuần	Thắng	52		Không đủ điều kiện dự thi	
53	Nguyễn Xuân	Thành	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Đình	Thế	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Đinh Đức	Thiện	55	8,0	Tám chẵn	
56	Lê Viết	Thông	56	8,5	Tám rưỡi	
57	Nguyễn Thị	Thương	57	8,0	Tám chẵn	
58	Phan Thị	Thương	58	8,0	Tám chẵn	
59	Trần Thị	Thủy	59	8,0	Tám chẵn	
60	Hồ Thị	Tĩnh	60	7,5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Thanh	Tĩnh	61	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
62	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	Tám chẵn	
63	Lê Thị Huyền	Trang	63	8,0	Tám chẵn	
64	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	8,0	Tám chẵn	
65	Lưu Thị Thùy	Trang	65	8,0	Tám chẵn	
66	Đinh Hữu	Trình	66	7,5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Bảo	Trung	67	8,0	Tám chẵn	
68	Nguyễn Thanh	Tùng	68	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị	Tuyết	69	8,5	Tám rưỡi	
70	Nguyễn Thị	Tuyết	70	8,0	Tám chẵn	
71	Phan Thị	Tuyết	71	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Thị	Vân	72	8,0	Tám chẵn	
73	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	8,0	Tám chẵn	

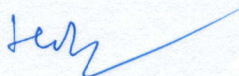
Danh sách này gồm: 73 học viên

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG


Thái Thị Hiền

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH,
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	8,0	Không đủ ĐK dự thi	
2	Phan Việt	Bắc	02	8,0	7,5	
3	Nguyễn Thị Phương Chi		03	Không đủ ĐK dự thi	7,0	
4	Phan Thị	Chiều	04	8,0	7,0	
5	Hồ Hải	Đăng	05	8,25	7,5	
6	Phan Thị	Duyên	06	8,25	8,0	
7	Lương Xuân	Hà	07	8,0	8,0	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	8,5	Không đủ ĐK dự thi	
9	Phan Thị	Hà	09	8,5	8,0	
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	7,5	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	8,5	7,5	
12	Lê Thị	Hiện	12	8,0	8,0	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,25	8,5	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,0	8,5	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,0	8,0	
16	Lê Xuân	Hùng	16	8,5	7,5	
17	Nguyễn Thị	Hường	17	Không đủ ĐK dự thi	Không đủ ĐK dự thi	
18	Nguyễn Quốc	Huy	18	7,5	7,5	
19	Nguyễn Thị	Khuyên	19	8,0	7,0	
20	Đinh Thị	Lai	20	8,0	7,0	
21	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	8,0	7,0	
22	Nguyễn Thị	Lành	22	8,0	7,0	
23	Nguyễn Thị	Mai	23	8,0	7,0	
24	Phan Thị Ngọc	Mai	24	7,75	7,5	
25	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,0	7,0	
26	Lưu Thị	Nga	26	8,0	7,5	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
27	Trần Thị	Nga	27	8,5	8,5	
28	Phạm Thị	Ngọc	28	8,0	8,0	
29	Nguyễn Thị	Ngọc	29	8,0	7,5	
30	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,0	8,5	
31	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	8,5	
32	Hồ Thị	Nhung	32	8,0	7,5	
33	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,5	7,0	
34	Phan Thị	Nhung	34	8,0	7,0	
35	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,5	7,5	
36	Lê Văn	Oanh	36	7,75	7,5	
37	Nguyễn Nam	Phong	37	8,0	7,5	
38	Phan Đình	Phú	38	7,5	7,0	
39	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	8,5	
40	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,75	7,5	
41	Trần Thị	Phượng	41	8,0	7,5	
42	Võ Văn	Quân	42	8,0	7,5	
43	Dương Hồng	Quân	43	7,5	7,5	
44	Nguyễn Quốc	Quyên	44	8,5	8,5	
45	Phan Châu	Sơn	45	8,0	7,5	
46	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	8,5	
47	Lê Tiến	Sỹ	47	8,5	8,5	
48	Lê Hữu	Tài	48	8,5	7,5	
49	Đậu Đức	Thạch	49	8,0	7,0	
50	Dương Thị	Thắm	50	8,0	8,0	
51	Phan Trọng	Thắng	51	7,5	7,5	
52	Lê Thuần	Thắng	52	8,0	7,0	
53	Nguyễn Xuân	Thành	53	8,5	8,5	
54	Nguyễn Đình	Thế	54	8,0	7,5	
55	Đinh Đức	Thiện	55	8,0	7,5	
56	Lê Viết	Thông	56	8,5	8,5	
57	Nguyễn Thị	Thương	57	8,0	8,0	
58	Phan Thị	Thương	58	8,5	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
59	Trần Thị	Thủy	59	8,0	7,0	
60	Hồ Thị	Tĩnh	60	8,0	8,0	
61	Nguyễn Thanh	Tĩnh	61	8,0	8,0	
62	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	7,5	
63	Lê Thị Huyền	Trang	63	8,0	7,5	
64	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	8,0	8,0	
65	Lưu Thị Thùy	Trang	65	8,0	7,0	
66	Đinh Hữu	Trình	66	7,5	7,0	
67	Hoàng Bảo	Trung	67	7,5	7,5	
68	Nguyễn Thanh	Tùng	68	8,5	8,0	
69	Nguyễn Thị	Tuyết	69	8,0	7,0	
70	Nguyễn Thị	Tuyết	70	8,0	7,0	
71	Phan Thị	Tuyết	71	8,0	7,5	
72	Nguyễn Thị	Vân	72	8,0	7,5	
73	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	8,5	8,0	

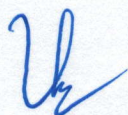
Danh sách này gồm: 73 học viên

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	7,0	Bảy chẵn	
2	Phan Việt	Bắc	02	7,0	Bảy chẵn	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Phan Thị	Chiều	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Hồ Hải	Đăng	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phan Thị	Duyên	06	7,5	Bảy rưỡi	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Phan Thị	Hà	09	8,5	Tám rưỡi	
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Lê Thị	Hiện	12	8,0	Tám chẵn	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,25	Tám phẩy hai lăm	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,5	Tám rưỡi	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,0	Tám chẵn	
16	Lê Xuân	Hùng	16	8,0	Tám chẵn	
17	Nguyễn Thị	Hường	17	Bảo lưu kết quả		
18	Nguyễn Quốc	Huy	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Thị	Khuyên	19	7,0	Bảy chẵn	
20	Đinh Thị	Lai	20	8,0	Tám chẵn	
21	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	7,0	Bảy chẵn	
22	Nguyễn Thị	Lành	22	Bảo lưu kết quả		
23	Nguyễn Thị	Mai	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Phan Thị Ngọc	Mai	24	7,5	Bảy rưỡi	
25	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,0	Tám chẵn	
26	Lưu Thị	Nga	26	Không đủ điều kiện dự thi		
27	Trần Thị	Nga	27	8,5	Tám rưỡi	
28	Phạm Thị	Ngọc	28	8,0	Tám chẵn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Thị	Ngọc	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,25	Tám phẩy hai lăm	
31	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Hồ Thị	Nhung	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,0	Tám chẵn	
34	Phan Thị	Nhung	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	Tám chẵn	
36	Lê Vạn	Oanh	36	7,0	Bảy chẵn	
37	Nguyễn Nam	Phong	37	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
38	Phan Đình	Phú	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	Tám chẵn	
40	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Trần Thị	Phượng	41	7,5	Bảy rưỡi	
42	Võ Văn	Quân	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Dương Hồng	Quân	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,25	Tám phẩy hai lăm	
45	Phan Châu	Sơn	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	Tám rưỡi	
47	Lê Tiến	Sỹ	47	8,5	Tám rưỡi	
48	Lê Hữu	Tài	48	8,0	Tám chẵn	
49	Đậu Đức	Thạch	49	7,5	Bảy rưỡi	
50	Dương Thị	Thắm	50	8,5	Tám rưỡi	
51	Phan Trọng	Thắng	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Lê Thuần	Thắng	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Xuân	Thành	53	8,25	Tám phẩy hai lăm	
54	Nguyễn Đình	Thế	54	8,25	Tám phẩy hai lăm	
55	Đinh Đức	Thiện	55	7,5	Bảy rưỡi	
56	Lê Viết	Thông	56	8,25	Tám phẩy hai lăm	
57	Nguyễn Thị	Thương	57	8,0	Tám chẵn	
58	Phan Thị	Thương	58	8,0	Tám chẵn	
59	Trần Thị	Thủy	59	8,0	Tám chẵn	
60	Hồ Thị	Tĩnh	60	8,0	Tám chẵn	
61	Nguyễn Thanh	Tĩnh	61	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
62	Phạm Quốc	Toàn	62	7,5	Bảy rưỡi	
63	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	7,0	Bảy chẵn	
65	Lưu Thị Thùy	Trang	65	7,5	Bảy rưỡi	
66	Đinh Hữu	Trình	66	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
67	Hoàng Bảo	Trung	67	7,0	Bảy chẵn	
68	Nguyễn Thanh	Tùng	68	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị	Tuyệt	69	7,5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Thị	Tuyệt	70	8,0	Tám chẵn	
71	Phan Thị	Tuyệt	71	Không đủ điều kiện dự thi		
72	Nguyễn Thị	Vân	72	7,5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thị Bích	Viết	73	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 73 học viên

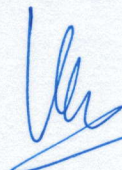
Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	7,5	Bảy rưỡi	
2	Phan Việt	Bắc	02	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Phan Thị	Chiều	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Hồ Hải	Đặng	05	8,5	Tám rưỡi	
6	Phan Thị	Duyên	06	8,0	Tám chẵn	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Phan Thị	Hà	09	8,0	Tám chẵn	
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Lê Thị	Hiên	12	8,0	Tám chẵn	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,0	Tám chẵn	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,0	Tám chẵn	
15	Lê Đăng	Hồng	15	7,5	Bảy rưỡi	
16	Lê Xuân	Hùng	16	7,0	Bảy chẵn	
17	Nguyễn Quốc	Huy	18	7,0	Bảy chẵn	
18	Nguyễn Thị	Khuyên	19	7,0	Bảy chẵn	
19	Đinh Thị	Lai	20	7,0	Bảy chẵn	
20	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	7,5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị	Mai	23	7,5	Bảy rưỡi	
22	Phan Thị Ngọc	Mai	24	7,5	Bảy rưỡi	
23	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	7,0	Bảy chẵn	
24	Lưu Thị	Nga	26	7,5	Bảy rưỡi	
25	Trần Thị	Nga	27	8,5	Tám rưỡi	
26	Phạm Thị	Ngọc	28	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị	Ngọc	29	7,0	Bảy chẵn	
28	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,5	Tám rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	Tám rưỡi	
30	Hồ Thị	Nhung	32	7,0	Bảy chẵn	
31	Nguyễn Thị	Nhung	33	7,5	Bảy rưỡi	
32	Phan Thị	Nhung	34	8,5	Tám rưỡi	
33	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,5	Tám rưỡi	
34	Lê Vạn	Oanh	36	Bảo lưu kết quả học tập		
35	Nguyễn Nam	Phong	37	8,0	Tám chẵn	
36	Phan Đình	Phú	38	7,0	Bảy chẵn	
37	Nguyễn Thị	Phương	39	7,5	Bảy rưỡi	
38	Trần Thị Thanh	Phương	40	8,0	Tám chẵn	
39	Trần Thị	Phượng	41	8,5	Tám rưỡi	
40	Võ Văn	Quân	42	7,0	Bảy chẵn	
41	Dương Hồng	Quân	43	7,0	Bảy chẵn	
42	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,0	Tám chẵn	
43	Phan Châu	Sơn	45	8,5	Tám rưỡi	
44	Ngô Đăng	Sửu	46	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Tiến	Sỹ	47	8,0	Tám chẵn	
46	Lê Hữu	Tài	48	8,5	Tám rưỡi	
47	Đậu Đức	Thạch	49	7,5	Bảy rưỡi	
48	Dương Thị	Thắm	50	7,5	Bảy rưỡi	
49	Phan Trọng	Thắng	51	7,5	Bảy rưỡi	
50	Lê Thuần	Thắng	52	7,0	Bảy chẵn	
51	Nguyễn Xuân	Thành	53	8,5	Tám rưỡi	
52	Nguyễn Đình	Thế	54	8,5	Tám rưỡi	
53	Đinh Đức	Thiện	55	7,0	Bảy chẵn	
54	Lê Viết	Thông	56	8,0	Tám chẵn	
55	Nguyễn Thị	Thương	57	7,5	Bảy rưỡi	
56	Phan Thị	Thương	58	7,5	Bảy rưỡi	
57	Trần Thị	Thủy	59	7,0	Bảy chẵn	
58	Hồ Thị	Tình	60	7,0	Bảy chẵn	
59	Nguyễn Thanh	Tình	61	7,0	Bảy chẵn	
60	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	Tám chẵn	
61	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
62	Nguyễn Thị Kiều Hạnh Trang	64	7,5	Bảy rưỡi	
63	Lưu Thị Thùy Trang	65	7,0	Bảy chẵn	
64	Đinh Hữu Trinh	66	7,0	Bảy chẵn	
65	Hoàng Bảo Trung	67	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thanh Tùng	68	8,0	Tám chẵn	
67	Nguyễn Thị Tuyết	69	8,5	Tám rưỡi	
68	Nguyễn Thị Tuyết	70	7,5	Bảy rưỡi	
69	Phan Thị Tuyết	71	7,0	Bảy chẵn	
70	Nguyễn Thị Vân	72	7,5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Thị Bích Việt	73	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 71 học viên

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH



Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: XÂY DỰNG ĐẢNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	8,0	Tám chẵn	
2	Phan Việt	Bắc	02	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Phương Chi		03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Phan Thị	Chiều	04	7,0	Bảy chẵn	
5	Hồ Hải	Đăng	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phan Thị	Duyên	06	7,5	Bảy rưỡi	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	Vắng thi		
9	Phan Thị	Hà	09	8,0	Tám chẵn	
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	8,0	Tám chẵn	
12	Lê Thị	Hiện	12	8,0	Tám chẵn	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,0	Tám chẵn	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,0	Tám chẵn	
16	Lê Xuân	Hùng	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Quốc	Huy	18	8,5	Tám rưỡi	
18	Nguyễn Thị	Khuyên	19	8,0	Tám chẵn	
19	Đinh Thị	Lai	20	8,0	Tám chẵn	
20	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	7,5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị	Mai	23	7,5	Bảy rưỡi	
22	Phan Thị Ngọc	Mai	24	7,5	Bảy rưỡi	
23	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,0	Tám chẵn	
24	Lưu Thị	Nga	26	8,0	Tám chẵn	
25	Trần Thị	Nga	27	8,5	Tám rưỡi	
26	Phạm Thị	Ngọc	28	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị	Ngọc	29	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,5	Tám rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	Tám rưỡi	
30	Hồ Thị	Nhung	32	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị	Nhung	33	7,5	Bảy rưỡi	
32	Phan Thị	Nhung	34	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	Tám chẵn	
34	Lê Vạn	Oanh	36	Vắng thi		
35	Nguyễn Nam	Phong	37	7,5	Bảy rưỡi	
36	Phan Đình	Phú	38	7,0	Bảy chẵn	
37	Nguyễn Thị	Phương	39	7,5	Bảy rưỡi	
38	Trần Thị Thanh	Phương	40	8,0	Tám chẵn	
39	Trần Thị	Phượng	41	7,5	Bảy rưỡi	
40	Võ Văn	Quân	42	7,5	Bảy rưỡi	
41	Dương Hồng	Quân	43	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Quốc	Quyền	44	7,0	Bảy chẵn	
43	Phan Châu	Sơn	45	7,5	Bảy rưỡi	
44	Ngô Đăng	Sửu	46	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Tiến	Sỹ	47	8,5	Tám rưỡi	
46	Lê Hữu	Tài	48	8,0	Tám chẵn	
47	Đậu Đức	Thạch	49	6,5	Sáu rưỡi	
48	Dương Thị	Thắm	50	8,5	Tám rưỡi	
49	Phan Trọng	Thắng	51	7,5	Bảy rưỡi	
50	Lê Thuần	Thắng	52	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Xuân	Thành	53	8,0	Tám chẵn	
52	Nguyễn Đình	Thế	54	8,0	Tám chẵn	
53	Đinh Đức	Thiện	55	7,0	Bảy chẵn	
54	Lê Viết	Thông	56	7,5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị	Thương	57	8,0	Tám chẵn	
56	Phan Thị	Thương	58	8,0	Tám chẵn	
57	Trần Thị	Thủy	59	8,0	Tám chẵn	
58	Hồ Thị	Tĩnh	60	8,0	Tám chẵn	
59	Nguyễn Thanh	Tĩnh	61	7,5	Bảy rưỡi	
60	Phạm Quốc	Toàn	62	7,5	Bảy rưỡi	
61	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
62	Nguyễn Thị Kiều Hạnh Trang	64	8,0	Tám chẵn	
63	Lưu Thị Thùy Trang	65	7,5	Bảy rưỡi	
64	Đinh Hữu Trình	66	6,5	Sáu rưỡi	
65	Hoàng Bảo Trung	67	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thanh Tùng	68	8,0	Tám chẵn	
67	Nguyễn Thị Tuyết	69	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Tuyết	70	8,0	Tám chẵn	
69	Phan Thị Tuyết	71	7,0	Bảy chẵn	
70	Nguyễn Thị Vân	72	7,0	Bảy chẵn	
71	Nguyễn Thị Bích Việt	73	7,5	Bảy rưỡi	

Danh sách này gồm: 71 học viên

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH



Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Trọng Tứ



TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC; KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ; BÀI THU HOẠCH NGHIÊN CỨU THỰC TẾ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài Thu hoạch Nghiên cứu thực tế
1	Trần Thị Vân	Anh	01	7,5	8,0	8,5
2	Phan Việt	Bắc	02	7,5	8,5	8,0
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	8,0	7,5	8,0
4	Phan Thị	Chiều	04	8,5	8,5	8,0
5	Hồ Hải	Đăng	05	8,5	8,5	8,0
6	Phan Thị	Duyên	06	8,0	8,0	8,0
7	Lương Xuân	Hà	07	7,0	7,5	7,5
8	Nguyễn Thị	Hà	08	8,0	8,0	7,5
9	Phan Thị	Hà	09	7,5	8,0	8,0
10	Trần Kiên	Hạnh	10	7,5	8,0	8,0
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	Vắng thi	Vắng thi	7,5
12	Lê Thị	Hiện	12	7,5	7,75	7,5
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,0	8,5	8,5
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,5	8,5	8,5
15	Lê Đăng	Hồng	15	7,5	8,0	7,5
16	Lê Xuân	Hùng	16	7,5	8,0	8,0
17	Nguyễn Quốc	Huy	18	Không đủ ĐK thi	7,5	7,5
18	Nguyễn Thị	Khuyên	19	7,5	8,0	7,5
19	Đinh Thị	Lai	20	8,0	7,5	8,0
20	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	7,0	8,0	8,0
21	Nguyễn Thị	Mai	23	8,0	8,0	8,0
22	Phan Thị Ngọc	Mai	24	7,5	8,0	8,0
23	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	8,5	7,5	8,0
24	Lưu Thị	Nga	26	7,0	8,0	8,0
25	Trần Thị	Nga	27	7,5	7,0	8,0
26	Phạm Thị	Ngọc	28	7,0	7,5	8,0



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài Thu hoạch Nghiên cứu thực tế
27	Nguyễn Thị	Ngọc	29	7,0	7,5	8,0
28	Nguyễn Văn	Nguyên	30	7,0	8,5	7,5
29	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	8,0	8,5
30	Hồ Thị	Nhung	32	7,5	7,5	7,5
31	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,0	8,5	8,5
32	Phan Thị	Nhung	34	7,5	7,0	8,0
33	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	7,0	8,0
34	Nguyễn Nam	Phong	37	7,0	7,0	7,5
35	Phan Đình	Phú	38	7,0	7,0	7,5
36	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	8,0	7,5
37	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,5	7,5	8,0
38	Trần Thị	Phượng	41	7,5	7,0	7,5
39	Võ Văn	Quân	42	7,5	7,0	8,0
40	Dương Hồng	Quân	43	8,0	8,0	8,0
41	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,0	8,5	8,5
42	Phan Châu	Sơn	45	8,5	8,5	8,5
43	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	8,5	8,5
44	Lê Tiến	Sỹ	47	8,5	8,5	8,5
45	Lê Hữu	Tài	48	8,0	8,5	8,0
46	Đậu Đức	Thạch	49	7,0	7,5	8,0
47	Dương Thị	Thắm	50	8,5	8,0	8,0
48	Phan Trọng	Thắng	51	7,5	7,0	7,5
49	Lê Thuần	Thắng	52	8,0	8,0	7,5
50	Nguyễn Xuân	Thành	53	8,0	8,5	8,5
51	Nguyễn Đình	Thế	54	7,0	7,5	7,5
52	Đinh Đức	Thiện	55	7,0	7,5	7,5
53	Lê Viết	Thông	56	8,5	8,5	8,5
54	Nguyễn Thị	Thương	57	7,5	8,0	8,0
55	Phan Thị	Thương	58	8,0	8,5	8,0
56	Trần Thị	Thủy	59	8,0	8,0	8,0
57	Hồ Thị	Tình	60	8,0	7,5	8,0
58	Nguyễn Thanh	Tình	61	7,5	8,0	8,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bài Thu hoạch Nghiên cứu thực tế
59	Phạm Quốc	Toàn	62	8,0	8,5	8,0
60	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	8,0	8,0
61	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	8,0	8,0	8,0
62	Lưu Thị Thùy	Trang	65	8,0	7,25	8,0
63	Đinh Hữu	Trình	66	7,0	6,5	8,0
64	Hoàng Bảo	Trung	67	7,5	7,0	7,5
65	Nguyễn Thanh	Tùng	68	7,5	7,5	7,5
66	Nguyễn Thị	Tuyệt	69	7,0	7,5	8,0
67	Nguyễn Thị	Tuyệt	70	8,0	7,5	8,0
68	Phan Thị	Tuyệt	71	7,5	7,5	7,5
69	Nguyễn Thị	Vân	72	7,5	7,5	8,0
70	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	7,5	7,5	8,0

Danh sách này gồm: 70 học viên

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Xuân Bé



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC:
THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K181 (HUYỆN HƯƠNG KHÊ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Trần Thị Vân	Anh	01	7,0	Bảy điểm	
2	Phan Việt	Bắc	02	8,5	Tám rưỡi	
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	8,0	Tám điểm	
4	Phan Thị	Chiều	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Hồ Hải	Đăng	05	8,5	Tám rưỡi	
6	Phan Thị	Duyên	06	8,0	Tám điểm	
7	Lương Xuân	Hà	07	7,0	Bảy điểm	
8	Nguyễn Thị	Hà	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Phan Thị	Hà	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Trần Kiên	Hạnh	10	8,0	Tám điểm	
11	Trần Thị Hoa	Hậu	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Lê Thị	Hiện	12	7,5	Bảy rưỡi	
13	Phạm Đức	Hiệp	13	8,5	Tám rưỡi	
14	Đinh Thị	Hoa	14	8,5	Tám rưỡi	
15	Lê Đăng	Hồng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Lê Xuân	Hùng	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Quốc	Huy	18	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thị	Khuyên	19	7,5	Bảy rưỡi	
19	Đinh Thị	Lai	20	8,0	Tám điểm	
20	Nguyễn Thị Hà	Lan	21	7,5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị	Mai	23	7,0	Bảy điểm	
22	Phan Thị Ngọc	Mai	24	8,5	Tám rưỡi	
23	Phạm Thị Tuyết	Mai	25	7,0	Bảy điểm	
24	Lưu Thị	Nga	26	8,0	Tám điểm	
25	Trần Thị	Nga	27	7,5	Bảy rưỡi	
26	Phạm Thị	Ngọc	28	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị	Ngọc	29	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Văn	Nguyên	30	8,5	Tám rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Thị	Nguyệt	31	8,5	Tám rưỡi	
30	Hồ Thị	Nhung	32	8,5	Tám rưỡi	
31	Nguyễn Thị	Nhung	33	8,0	Tám điểm	
32	Phan Thị	Nhung	34	8,0	Tám điểm	
33	Nguyễn Thị	Oanh	35	8,0	Tám điểm	
34	Nguyễn Nam	Phong	37	7,0	Bảy điểm	
35	Phan Đình	Phú	38	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị	Phương	39	8,0	Tám điểm	
37	Trần Thị Thanh	Phương	40	7,5	Bảy rưỡi	
38	Trần Thị	Phượng	41	8,5	Tám rưỡi	
39	Võ Văn	Quân	42	7,5	Bảy rưỡi	
40	Dương Hồng	Quân	43	8,75	Tám phẩy bảy lăm	
41	Nguyễn Quốc	Quyền	44	8,5	Tám rưỡi	
42	Phan Châu	Son	45	8,5	Tám rưỡi	
43	Ngô Đăng	Sửu	46	8,5	Tám rưỡi	
44	Lê Tiến	Sỹ	47	8,5	Tám rưỡi	
45	Lê Hữu	Tài	48	8,5	Tám rưỡi	
46	Đậu Đức	Thạch	49	8,0	Tám điểm	
47	Dương Thị	Thắm	50	8,5	Tám rưỡi	
48	Phan Trọng	Thắng	51	8,5	Tám rưỡi	
49	Lê Thuần	Thắng	52	7,0	Bảy điểm	
50	Nguyễn Xuân	Thành	53	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Đình	Thế	54	8,5	Tám rưỡi	
52	Đinh Đức	Thiện	55	7,5	Bảy rưỡi	
53	Lê Viết	Thông	56	8,5	Tám rưỡi	
54	Nguyễn Thị	Thương	57	7,5	Bảy rưỡi	
55	Phan Thị	Thương	58	8,0	Tám điểm	
56	Trần Thị	Thủy	59	7,5	Bảy rưỡi	
57	Hồ Thị	Tình	60	8,0	Tám điểm	
58	Nguyễn Thanh	Tình	61	7,5	Bảy rưỡi	
59	Phạm Quốc	Toàn	62	7,5	Bảy rưỡi	
60	Lê Thị Huyền	Trang	63	7,5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	64	8,0	Tám điểm	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
62	Lưu Thị Thùy	Trang	65	7,0	Bảy điểm	
63	Đinh Hữu	Trình	66	7,0	Bảy điểm	
64	Hoàng Bảo	Trung	67	7,5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thanh	Tùng	68	7,0	Bảy điểm	
66	Nguyễn Thị	Tuyệt	69	7,0	Bảy điểm	
67	Nguyễn Thị	Tuyệt	70	8,0	Tám điểm	
68	Phan Thị	Tuyệt	71	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị	Vân	72	7,0	Bảy điểm	
70	Nguyễn Thị Bích	Việt	73	7,5	Bảy rưỡi	

Danh sách này gồm: 70 học viên

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

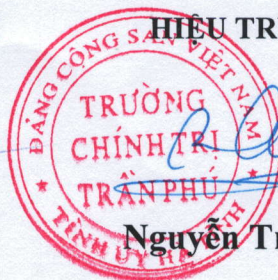
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

*

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ 181, HỆ KHÔNG TẬP TRUNG
MỞ TẠI HUYỆN HƯƠNG KHÊ

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
1	Trần Thị Vân	Anh	01	6,0	7,0	8,0	7,00	Bảy phẩy không
2	Phan Việt	Bắc	02	7,5	8,0	7,0	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nguyễn Thị Phương	Chi	03	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
4	Phan Thị	Chiều	04	7,5	7,0	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
5	Phan Thị	Duyên	05	7,0	8,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
6	Lương Xuân	Hà	06	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
7	Nguyễn Thị	Hà	07	6,5	7,0	7,5	7,00	Bảy phẩy không
8	Phan Thị	Hà	08	7,5	8,5	8,0	8,00	Tám phẩy không
9	Trần Kiên	Hạnh	09	6,5	7,0	7,0	6,83	Sáu phẩy tám ba
10	Trần Thị Hoa	Hậu	10	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
11	Lê Thị	Hiện	11	6,5	7,0	7,5	7,00	Bảy phẩy không
12	Lê Đăng	Hồng	12	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
13	Lê Xuân	Hùng	13	6,5	6,5	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
14	Nguyễn Quốc	Huy	14	6,0	6,5	7,0	6,50	Sáu phẩy năm
15	Nguyễn Thị	Khuyên	15	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
16	Đinh Thị	Lai	16	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
17	Nguyễn Thị Hà	Lan	17	7,5	7,5	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
18	Nguyễn Thị	Mai	18	7,0	7,5	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
19	Phan Thị Ngọc	Mai	19	7,0	7,0	8,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
20	Phạm Thị Tuyết	Mai	20	7,0	7,5	8,0	7,50	Bảy phẩy năm
21	Lưu Thị	Nga	21	7,5	7,5	8,0	7,67	Bảy phẩy sáu bảy

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
22	Phạm Thị	Ngọc	22	7,0	8,5	7,0	7,50	Bảy phẩy năm
23	Nguyễn Thị	Ngọc	23	6,5	7,5	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
24	Hồ Thị	Nhung	24	6,5	7,0	7,5	7,00	Bảy phẩy không
25	Nguyễn Thị	Nhung	25	8,0	7,0	7,5	7,50	Bảy phẩy năm
26	Phan Thị	Nhung	26	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
27	Nguyễn Thị	Oanh	27	7,0	7,5	8,0	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nguyễn Nam	Phong	28	6,5	6,5	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
29	Phan Đình	Phú	29	6,5	6,0	7,0	6,50	Sáu phẩy năm
30	Nguyễn Thị	Phương	30	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
31	Trần Thị Thanh	Phương	31	6,5	6,0	7,0	6,50	Sáu phẩy năm
32	Trần Thị	Phượng	32	7,5	8,0	7,0	7,50	Bảy phẩy năm
33	Võ Văn	Quân	33	6,5	6,5	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
34	Dương Hồng	Quân	34	8,5	8,5	7,5	8,17	Tám phẩy mười bảy
35	Đậu Đức	Thạch	35	7,0	7,0	6,5	6,83	Sáu phẩy tám ba
36	Phan Trọng	Thắng	36	6,0	7,5	7,5	7,00	Bảy phẩy không
37	Lê Thuần	Thắng	37	6,5	7,5	7,0	7,00	Bảy phẩy không
38	Nguyễn Đình	Thế	38	7,5	8,5	6,5	7,50	Bảy phẩy năm
39	Đinh Đức	Thiện	39	6,5	7,0	7,0	6,83	Sáu phẩy tám ba
40	Nguyễn Thị	Thương	40	6,5	7,0	7,0	6,83	Sáu phẩy tám ba
41	Phan Thị	Thương	41	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
42	Trần Thị	Thủy	42	7,0	7,5	8,0	7,50	Bảy phẩy năm
43	Hồ Thị	Tình	43	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
44	Nguyễn Thanh	Tình	44	6,5	8,0	7,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
45	Phạm Quốc	Toàn	45	7,0	8,5	7,5	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
46	Lê Thị Huyền	Trang	46	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
47	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	Trang	47	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không

TT	Họ và tên		SBD	Khôi kiến thức 1	Khôi kiến thức 2	Khôi kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
48	Lưu Thị Thùy	Trang	48	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không
49	Đinh Hữu	Trình	49	7,5	7,5	8,0	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
50	Hoàng Bảo	Trung	50	6,0	7,0	8,0	7,00	Bảy phẩy không
51	Nguyễn Thanh	Tùng	51	7,0	7,0	8,0	7,33	Bảy phẩy ba ba
52	Nguyễn Thị	Tuyết	52	7,5	8,5	8,0	8,00	Tám phẩy không
53	Nguyễn Thị	Tuyết	53	7,0	7,5	7,5	7,33	Bảy phẩy ba ba
54	Phan Thị	Tuyết	54	7,0	7,0	7,5	7,17	Bảy phẩy mười bảy
55	Nguyễn Thị	Vân	55	6,5	7,0	8,0	7,17	Bảy phẩy mười bảy
56	Nguyễn Thị Bích	Việt	56	7,0	7,0	7,0	7,00	Bảy phẩy không

Danh sách này gồm: 56 học viên

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Thái Thị Hiền

GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thị Thảo Linh

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Nguyễn Xuân Bé

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Trọng Tứ